

PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI HỌC TẬP SUỐT ĐỜI TRONG GIÁO DỤC MỞ Ở KỶ NGUYÊN SỐ: TÍCH HỢP TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ, CÁC KHÓA HỌC TRỰC TUYẾN MỞ ĐẠI CHÚNG VÀ CƠ CHẾ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP

Vũ Thị Việt Thanh¹

Email: vietthanh.kt@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0005-5920-1258

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1489

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích điều kiện kết nối tài nguyên giáo dục mở (OER), các khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOCs) và công nhận kết quả học tập nhằm hỗ trợ hành trình học tập suốt đời trong bối cảnh số. Phương pháp sử dụng là tổng quan tường thuật có định hướng kết hợp phân tích nội dung chính sách, dựa trên các nguồn học thuật và văn bản định hướng của Việt Nam. Từ tổng hợp bằng chứng, bài viết đối sánh sáu cấu phần: người học, OER và MOOCs, công nghệ và dữ liệu, tổ chức tham gia, đánh giá và công nhận, thể chế và quản trị chất lượng. Khung ba lớp tiếp cận - bằng chứng - chuyển đổi được cụ thể hóa thành các điểm ra quyết định: xác thực kết quả, đối sánh chuẩn đầu ra, công nhận hoặc từ chối và giải quyết kiến nghị. Một tình huống giả định minh họa quy trình tiếp nhận chứng nhận MOOCs, đánh giá bổ sung và các chỉ báo chi phí, thời gian, chất lượng. Nghiên cứu phân biệt chứng nhận vi mô với tín chỉ và nhấn mạnh rằng học tập suốt đời không nhất thiết đòi hỏi chứng nhận; cơ chế công nhận chủ yếu phục vụ chuyển đổi học thuật và nghề nghiệp. Kết quả có ý nghĩa như khung tham chiếu để thí điểm có kiểm soát tại Việt Nam, chưa được kiểm định thực nghiệm.

Từ khóa: chứng nhận vi mô, công nhận kết quả học tập, giáo dục mở, học tập suốt đời, các khóa học trực tuyến mở đại chúng

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số và sự phát triển của nền kinh tế tri thức đang làm thay đổi phương thức tiếp cận, chia sẻ và sử dụng tri thức, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về cập nhật kiến thức và kỹ năng. Trong bối cảnh đó, học tập suốt đời trở

thành định hướng quan trọng của giáo dục hiện đại, thúc đẩy giáo dục mở phát triển theo hướng linh hoạt, liên thông và lấy người học làm trung tâm.

Tài nguyên giáo dục mở (OER) và các khóa học trực tuyến mở đại chúng

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

(MOOCs) góp phần mở rộng cơ hội học tập và tiếp cận tri thức. OER có thể giảm chi phí học liệu mà không làm suy giảm kết quả học tập (Hilton, 2016), trong khi MOOCs tạo điều kiện học tập quy mô lớn nhưng vẫn gặp những hạn chế về tỷ lệ hoàn thành và mức độ tham gia của người học (Jordan, 2014; Reich và Ruipérez-Valiente, 2019). Điều này đặt ra vấn đề không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận mà còn bảo đảm giá trị sử dụng của kết quả học tập.

Các nghiên cứu về sự phạm mở, huy hiệu số và chứng nhận vi mô đã đề cập đến nhiều khía cạnh của việc ghi nhận, xác thực kết quả học tập (Gibson và cộng sự, 2015; McGreal và Olcott, 2022; Wiley và Hilton, 2018). Tại Việt Nam, Trần và Nguyễn (2026) nhấn mạnh sự chuyển dịch từ tiếp cận tài nguyên sang thiết kế trải nghiệm học tập mở dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, cơ chế đánh giá, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập giữa các nền tảng và cơ sở giáo dục, đặc biệt về thẩm quyền, tiêu chí và trách nhiệm công nhận, vẫn cần được làm rõ.

Trên cơ sở đó, bài viết hệ thống hóa cơ sở lý luận và đề xuất khung hệ sinh thái học tập suốt đời tích hợp OER, MOOCs và cơ chế công nhận kết quả học tập. Đóng góp của nghiên cứu là làm rõ mối liên kết giữa tiếp cận học tập, hình thành bằng chứng, đánh giá và quyết định công nhận, từ đó đề xuất hàm ý quản trị và triển khai trong bối cảnh Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giáo dục mở và học tập suốt đời

Giáo dục mở là cách tiếp cận nhằm giảm rào cản đối với việc tiếp cận, tham

gia và hoàn thành học tập. Tính mở có thể thể hiện ở tuyển sinh, thời gian, địa điểm, học liệu, công nghệ, lộ trình, đánh giá và công nhận. Theo cách tiếp cận này, đào tạo từ xa chỉ là một phương thức cung cấp; bản chất của giáo dục mở nằm ở quyền lựa chọn và khả năng dịch chuyển của người học giữa các cơ hội học tập.

Học tập suốt đời được xem là quá trình liên tục, bao gồm học tập chính quy, không chính quy và phi chính thức (Aspin và Chapman, 2000). McGreal và Olcott (2022) cho rằng chứng nhận ngắn hạn chỉ có ý nghĩa khi minh bạch về chuẩn đầu ra, có bảo đảm chất lượng và có khả năng tích lũy; Wheelahan và Moodie (2021) đồng thời cảnh báo rằng các chứng nhận quá phân mảnh có thể làm suy yếu giá trị giáo dục nếu chỉ chạy theo nhu cầu kỹ năng tức thời. Vì vậy, hệ sinh thái học tập suốt đời phải đồng thời bảo đảm khả năng tiếp cận, tính nhất quán học thuật và khả năng công nhận.

Ở góc độ người học, nghiên cứu của Quang (2025), dựa trên phân tích tài liệu và phỏng vấn bán cấu trúc 30 người học, ghi nhận vai trò của kỹ năng tự học, quản lý thời gian và năng lực số trong duy trì học tập liên tục; đồng thời chỉ ra khó khăn về động lực và quản lý học tập. Kết quả này gợi ý rằng hỗ trợ hành trình học tập cần được thiết kế như một cấu phần của hệ sinh thái, thay vì chỉ mở rộng kho nội dung.

2.2. OER, MOOCs và thực hành giáo dục mở

OER hỗ trợ chia sẻ và tái sử dụng nội dung. Hilton (2016) ghi nhận kết quả

học tập với OER thường tương đương hoặc tốt hơn học liệu thương mại, trong khi giảm chi phí. Wiley và Hilton (2018) nhấn mạnh hoạt động sư phạm giúp người học tạo sản phẩm có giá trị ngoài lớp học. Cronin (2017), Koseoglu và Bozkurt (2018) đề cao sự tham gia và hợp tác. Vì vậy, hiệu quả OER cần gắn với thiết kế học tập.

MOOCs tổ chức nội dung thành khóa học có mục tiêu, hoạt động và đánh giá. Tuy vậy, tỷ lệ hoàn thành thấp, sự khác biệt về nền tảng người học và độ tin cậy của đánh giá là những thách thức phổ biến (Jordan, 2014; Reich và Ruipérez-Valiente, 2019). Zawacki-Richter và cộng sự. (2018) cho thấy nghiên cứu MOOCs thường tập trung vào hành vi tham gia và hoàn thành hơn là khả năng công nhận kết quả. Do đó, giá trị của MOOCs đối với học tập suốt đời phụ thuộc vào thiết kế sư phạm, hỗ trợ người học, xác thực danh tính và khả năng liên thông kết quả.

Trong nghiên cứu về các MOOCs thuộc lĩnh vực pháp luật, Đặng (2025) nhấn mạnh thiết kế lấy người học làm trung tâm, kết hợp tình huống thực tiễn, thảo luận mở và học tập qua dự án. Bằng chứng này hỗ trợ yêu cầu tích hợp phương pháp sư phạm và đánh giá năng lực trong MOOCs; tuy nhiên, hiệu quả sư phạm của khóa học không đồng nghĩa chứng nhận hoàn thành được cơ sở đào tạo khác tự động công nhận.

2.3. Công nhận kết quả học tập và tín chỉ vi mô

Công nhận kết quả học tập là quyết định của một chủ thể có thẩm quyền chấp nhận những năng lực đã được chứng minh

theo tiêu chí công bố. Cần phân biệt: chứng nhận vi mô (micro-credential) là sự xác nhận kết quả học tập có phạm vi xác định; tín chỉ học thuật là đơn vị đo khối lượng học tập do cơ sở đào tạo quy định; huy hiệu số là phương tiện biểu đạt hoặc xác thực thành tích; công nhận kết quả học tập trước (RPL) là quá trình xem xét bằng chứng đã tích lũy; còn chuyển đổi tín chỉ là quyết định học thuật khi đối sánh với chương trình tiếp nhận. Chứng nhận vi mô không mặc nhiên tương đương một tín chỉ hay được chấp nhận trong chương trình chính quy (McGreal và Olcott, 2022).

Ralston (2021) phân tích rủi ro khi các chứng nhận vi mô phát triển thiếu thống nhất về mục tiêu, chất lượng và giá trị sử dụng. Gibson và cộng sự. (2015) nhấn mạnh vai trò của thông tin mô tả, tiêu chí đạt được và bằng chứng có thể kiểm chứng đối với huy hiệu số. Do đó, mức độ tin cậy cần được đánh giá theo chuẩn đầu ra, bằng chứng học tập, chủ thể cấp và quy trình kiểm định, chứ không chỉ dựa vào hình thức chứng nhận.

2.4. Khung phân tích hệ sinh thái

Cách tiếp cận hệ sinh thái được sử dụng để phân tích sự phụ thuộc giữa sáu cấu phần: người học; OER và MOOCs; công nghệ và dữ liệu; các tổ chức tham gia; đánh giá và công nhận; thể chế, quản trị và bảo đảm chất lượng. Luồng quyết định đi từ lựa chọn học tập, thu thập bằng chứng, xác minh, đối sánh chuẩn đầu ra tới công nhận hoặc từ chối và phản hồi. Cơ sở tiếp nhận có thẩm quyền quyết định; nền tảng chỉ cung cấp dữ liệu.

Bảng 1. Khung phân tích hệ sinh thái học tập suốt đời

Cấu phần	Chức năng chính	Yêu cầu tích hợp
Người học	Xác định nhu cầu, lựa chọn lộ trình	Hồ sơ cá nhân và tư vấn học tập
OER và MOOCs	Cung cấp nội dung, hoạt động và đánh giá	Chuẩn đầu ra, giấy phép mở, siêu dữ liệu
Công nghệ và dữ liệu	Kết nối nền tảng, lưu trữ kết quả	Chuẩn liên thông, bảo mật, xác thực
Các tổ chức tham gia	Thiết kế, cung cấp, sử dụng kết quả	Phân định vai trò và trách nhiệm
Đánh giá và công nhận	Chứng nhận, tích lũy, chuyển đổi	Tiêu chí minh bạch và bảo đảm chất lượng
Thể chế và quản trị	Điều phối toàn hệ sinh thái	Chính sách, tài chính, giám sát

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu tường thuật có định hướng, kết hợp phân tích nội dung chính sách để xây dựng khung phân tích hệ sinh thái học tập suốt đời. Nguồn tài liệu được lựa chọn có chủ đích, gồm 12 công trình quốc tế, 3 nghiên cứu trong nước và 2 văn bản chính sách của Việt Nam, dựa trên mức độ liên quan đến giáo dục mở, OER, MOOCs, học tập suốt đời, chứng nhận vi mô và công nhận kết quả học tập. Nghiên cứu ưu tiên công trình đã qua bình duyệt và nguồn chính sách có thẩm quyền, đồng thời xem xét chất lượng học thuật và khả năng kiểm chứng thông tin, không chỉ dựa vào DOI hoặc URL.

Các nghiên cứu trong nước được đặt trong mối liên hệ với kết quả quốc

Nguồn: Tác giả đề xuất từ tổng quan nghiên cứu nhằm làm rõ đặc điểm và điều kiện vận dụng tại Việt Nam. Nội dung tài liệu được phân tích theo luận điểm, bằng chứng, giới hạn và hàm ý quản trị, sau đó đối sánh theo sáu cấu phần của hệ sinh thái đề xuất. Cách tiếp cận này giúp nhận diện cả sự tương đồng lẫn khác biệt, nhất là giữa lợi ích học tập linh hoạt và rủi ro phân mảnh chứng nhận.

Bảng 2 trình bày các nguồn tiêu biểu cùng đóng góp và giới hạn khi vận dụng. Phương pháp tổng quan tường thuật phù hợp với mục tiêu tổng hợp khái niệm và đề xuất khung phân tích, nhưng không thay thế một tổng quan hệ thống do chưa có nhật ký tìm kiếm đầy đủ. Các văn bản chính sách được sử dụng để phân tích định hướng phát triển, không được xem là căn cứ mặc nhiên cho việc chuyển đổi tín chỉ.

Bảng 2. Đối sánh nguồn nghiên cứu, bằng chứng và giới hạn

Nguồn	Đóng góp được sử dụng	Giới hạn khi vận dụng	Cấu phần
Hilton (2016); Wiley và Hilton (2018)	Tiếp cận, tái sử dụng OER và sự phạm mở	Không trực tiếp xác lập quyền công nhận	OER; người học
Jordan (2014); Reich và Ruipérez-Valiente (2019)	Quy mô và rào cản tham gia MOOCs	Tỷ lệ hoàn thành không đo thay năng lực	MOOCs; đánh giá
Gibson và cộng sự. (2015)	Bằng chứng và siêu dữ liệu huy hiệu số	Huy hiệu không tương đương tín chỉ	Dữ liệu; chứng nhận
McGreal và Olcott (2022); Ralston (2021)	Điều kiện và rủi ro chứng nhận vi mô	Không mặc nhiên áp dụng cho pháp luật Việt Nam	Công nhận; quản trị

Nguồn	Đóng góp được sử dụng	Giới hạn khi vận dụng	Cấu phần
Wheelahan và Moodie (2021)	Rủi ro phân mảnh chuẩn năng lực	Cần cân bằng mục tiêu nghề nghiệp và học thuật	Chất lượng; tổ chức
(Thủ tướng Chính phủ, 2021) (Thủ tướng Chính phủ, 2022)	Định hướng xã hội học tập và chuyển đổi số	Không tự tạo quyền chuyển đổi tín chỉ	Thẻ chế
Trần và Nguyễn (2026)	Dữ liệu, trải nghiệm học mở	Chưa xét quyết định công nhận	OER; dữ liệu
Đặng (2025)	Sự phạm và tương tác MOOCs	Chỉ xét MOOCs luật; chưa xét công nhận	MOOCs; đánh giá
Quang (2025)	Tự học và năng lực số	Chưa xét công nhận liên tổ chức	Người học; hỗ trợ

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tổng quan nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào giáo dục đại học và giáo dục thường xuyên tại Việt Nam, có tham chiếu kinh nghiệm quốc tế. Nghiên cứu chưa sử dụng dữ liệu khảo sát sơ cấp, chưa đánh giá một nền tảng MOOCs cụ thể và chưa kiểm định thực nghiệm khung đề xuất; vì vậy, kết quả chủ yếu có giá trị như khung phân tích và định hướng chính sách.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Từ kho tài nguyên đến hành trình học tập có thể tích lũy

Tổng hợp tài liệu cho thấy OER mở rộng khả năng tiếp cận và tái sử dụng học liệu theo giấy phép cho phép; MOOCs tổ chức trải nghiệm khóa học quy mô lớn nhưng không đương nhiên có giấy phép mở như OER. Người học vẫn có thể học tập suốt đời và thu nhận giá trị cá nhân mà không cần chứng nhận. Trong phạm vi mục tiêu liên thông học thuật hoặc nghề nghiệp, việc chuyển bằng chứng học tập sang một tổ chức khác lại cần cơ chế đánh giá và quyết định rõ ràng.

Khung phân biệt ba lớp giá trị: tiếp cận học liệu và khóa học; bằng chứng kết quả được đánh giá, xác thực; và chuyển đổi kết quả cho mục đích học thuật hoặc

nghề nghiệp. Các lớp này được kết nối bằng điểm kiểm soát danh tính, chuẩn đầu ra, thẩm quyền quyết định, quyền từ chối có lý do và xem xét lại.

4.2. Hệ sinh thái đề xuất

Thứ nhất, người học kiểm soát hồ sơ kết quả từ học tập chính quy, không chính quy và kinh nghiệm nghề nghiệp, với quyền lựa chọn chia sẻ.

Thứ hai, OER cần công bố giấy phép cho phép sử dụng hoặc điều chỉnh theo điều kiện xác định; còn MOOCs chỉ được xem là nguồn học tập mở về mức độ tiếp cận, không đồng nghĩa học liệu bên trong được cấp phép mở. Cả hai cần mô tả chuẩn đầu ra, khối lượng học và hình thức đánh giá trước khi xem xét liên thông.

Thứ ba, nền tảng cần hỗ trợ trao đổi dữ liệu có bảo mật giữa quản lý đào tạo, OER/MOOCs và hệ thống xác thực chứng nhận.

Thứ tư, cơ sở giáo dục quyết định học thuật, doanh nghiệp phản hồi về nhu cầu kỹ năng, đơn vị công nghệ vận hành nền tảng và cơ quan quản lý giám sát.

Thứ năm, quyết định công nhận phải dựa trên chuẩn đầu ra, danh tính, đánh giá phù hợp và hồ sơ kiểm tra được.

Thứ sáu, quản trị chất lượng bao phủ học liệu, dữ liệu, đánh giá, chứng nhận, phân định trách nhiệm và tiếp nhận phản hồi.

4.3. Khung vận hành đề xuất

Chu trình gồm: xác định nhu cầu → lựa chọn OER/MOOCs → học và đánh giá



Hình 1. Chu trình vận hành của hệ sinh thái học tập suốt đời

Nguồn: Tác giả đề xuất

4.4. Hàm ý đối với Việt Nam

Thứ nhất, cần hoàn thiện quy định về tín chỉ vi mô, chuyển đổi tín chỉ và công nhận kết quả từ MOOCs, học tập tại nơi làm việc, các hình thức học tập không chính quy và phi chính thức. Quy định cần xác định thẩm quyền, chuẩn đầu ra, phương thức đánh giá, xác thực danh tính và giới hạn chuyển đổi.

Thứ hai, xây dựng chuẩn liên thông cho hồ sơ học tập, chứng nhận số và siêu dữ liệu khóa học, kèm cơ chế bảo mật, phân quyền, xác thực và lưu vết để người học chủ động chia sẻ kết quả.

Thứ ba, thí điểm đối sánh mô-đun ngắn hạn với chuẩn đầu ra học phần theo quy chế hiện hành tại cơ sở có thẩm quyền. Đây là kiến nghị thí điểm, không có nghĩa chứng nhận MOOCs mặc nhiên được quy đổi. Hội đồng chuyên môn xem xét hồ sơ, đánh giá bổ sung khi cần, quyết định công nhận hoặc từ chối có lý do và bảo đảm quyền kiến nghị.

Thứ tư, giám sát chất lượng cần xét đồng thời nội dung, sư phạm, khả năng tiếp cận, độ tin cậy đánh giá, bảo vệ dữ liệu và giá trị chứng nhận.

→ tạo bằng chứng số → đối sánh, công nhận hoặc từ chối → định hướng học tiếp. Các điều kiện hỗ trợ là thể chế, dữ liệu, bảo đảm chất lượng và liên kết nhà trường - doanh nghiệp.

Thứ năm, các đại học mở có thể điều phối phát triển OER, MOOCs, tư vấn học tập, đánh giá năng lực và hợp tác với doanh nghiệp.

Chi phí thí điểm gồm xác minh hồ sơ, đánh giá bổ sung, vận hành xác thực, tư vấn và xử lý khiếu nại; cần công khai trách nhiệm chi trả. Chi báo gồm tỷ lệ xác minh, thời gian và chi phí mỗi hồ sơ, tỷ lệ đánh giá bổ sung, khiếu nại và mức hài lòng. Với chứng nhận nghi giả, dấu hiệu thi hộ hoặc chuẩn đầu ra không phù hợp, đơn vị tiếp nhận phải xác minh trước khi quyết định.

Tình huống giả định, không phải dữ liệu thực nghiệm: người đi làm nộp chứng nhận MOOCs về phân tích dữ liệu, chuẩn đầu ra, sản phẩm dự án và kết quả đánh giá để xin miễn một phần học phần. Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ; nền tảng xác thực chứng nhận; giảng viên đối sánh chuẩn đầu ra; hội đồng có thẩm quyền quyết định. Nếu chưa đủ bằng chứng danh tính hoặc năng lực, người học phải thực hiện vấn đáp hay bài thực hành bổ sung. Quyết định công nhận một phần hoặc từ chối phải nêu lý do và có cơ chế xem xét lại.

4.5. Thảo luận, đóng góp và hạn chế

Kết quả phù hợp với McGreal và Olcott (2022), Ralston (2021) về tính minh bạch, chất lượng và khả năng tích lũy chứng nhận. Khung đề xuất đặt công nhận trong mối liên hệ giữa OER, MOOCs, dữ liệu và tổ chức tiếp nhận, góp phần xử lý khoảng cách giữa nghiên cứu MOOCs với chính sách công nhận mà Zawacki-Richter và cộng sự. (2018) đề cập.

Các nghiên cứu trong nước làm rõ thêm ranh giới đóng góp của khung đề xuất: Trần và Nguyễn (2026) tập trung vào trải nghiệm học tập mở và vai trò dữ liệu; Đặng (2025) phân tích phương pháp sư phạm trong MOOCs; Quang (2025) nhấn mạnh năng lực tự học và kỹ năng số của người học. Kế thừa các kết quả này, bài viết bổ sung luồng đánh giá bằng chứng và quyết định công nhận, bao gồm cả trường hợp từ chối, trong một kiến trúc quản trị liên tổ chức.

Đóng góp lý luận của nghiên cứu là làm rõ công nhận kết quả học tập như cơ chế chuyển đổi giữa tính mở trong tiếp cận và giá trị có thể tích lũy. Đóng góp thực tiễn là khung sáu cấu phần và chu trình vận hành để cơ sở giáo dục tham khảo khi thiết kế lộ trình học linh hoạt. Hạn chế chính là chưa có dữ liệu sơ cấp và chưa kiểm định khung bằng nghiên cứu tình huống. Nghiên cứu tiếp theo nên phỏng vấn nhà quản lý, giảng viên, người học và doanh nghiệp, đồng thời thử nghiệm một mô-đun tín chỉ vi mô để đánh giá mức độ chấp nhận, chi phí và hiệu quả chuyển đổi.

Doanh nghiệp có thể tham gia hội đồng tham vấn kỹ năng, đồng xây dựng chuẩn đầu ra và bài đánh giá, chia sẻ chi

phí thử nghiệm, đồng thời xem xét chứng nhận trong tuyển dụng theo nhu cầu thực tế. Lộ trình gồm xây dựng chuẩn và chọn ngành thí điểm, triển khai giới hạn với chỉ báo đo lường, sau đó đánh giá độc lập trước khi nhân rộng. Đây là đề xuất cần kiểm chứng, không phải nghĩa vụ bắt buộc của doanh nghiệp.

Để hạn chế gian lận, cần xác thực danh tính ở các mốc quan trọng, dùng ngân hàng đề, vấn đáp và bài thực hành, kết hợp giám sát theo rủi ro. Công cụ phát hiện bất thường chỉ hỗ trợ con người xem xét, không tự kết luận vi phạm; dữ liệu phải được bảo vệ. AI có thể hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình, dịch học liệu và phản hồi luyện tập, song kết quả tạo sinh phải được kiểm chứng về độ chính xác, thiên lệch và liên chính học thuật.

V. Kết luận và kiến nghị

OER và MOOCs góp phần mở rộng cơ hội học tập suốt đời, kể cả khi người học không theo đuổi chứng nhận chính thức. Riêng đối với mục tiêu chuyển đổi giá trị học thuật hoặc nghề nghiệp giữa các tổ chức, cần thêm bằng chứng năng lực đáng tin cậy, quy trình đánh giá minh bạch và quyết định công nhận theo thẩm quyền. Khung được đề xuất là công cụ phân tích và thiết kế thí điểm, chưa phải bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả hay căn cứ pháp lý tự động cho chuyển đổi tín chỉ.

Đối với Việt Nam, cần ưu tiên khung chứng nhận vi mô, liên thông dữ liệu, hồ sơ học tập số và thí điểm tích lũy mô-đun ngắn hạn theo quy định. Các đại học mở có thể kết nối các chủ thể, giám sát chất lượng và bảo vệ dữ liệu người học.

Tài liệu tham khảo

- Aspin, D. N., & Chapman, J. D. (2000). Lifelong learning: Concepts and conceptions. *International Journal of Lifelong Education*, 19(1), 2-19. <https://doi.org/10.1080/026013700293421>
- Cronin, C. (2017). Openness and praxis: Exploring the use of open educational practices in higher education. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 18(5), 15-34. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v18i5.3096>
- Đặng, H. Đ. (2025). Xu hướng đổi mới sư phạm trong các khóa học trực tuyến mở đại chúng về luật đang thịnh hành toàn cầu: Phân tích và bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.1063>
- Gibson, D., Ostashewski, N., Flintoff, K., Grant, S., & Knight, E. (2015). Digital badges in education. *Education and Information Technologies*, 20, 403-410. <https://doi.org/10.1007/s10639-013-9291-7>
- Hilton, J., III. (2016). Open educational resources and college textbook choices: A review of research on efficacy and perceptions. *Educational Technology Research and Development*, 64, 573-590. <https://doi.org/10.1007/s11423-016-9434-9>
- Jordan, K. (2014). Initial trends in enrolment and completion of massive open online courses. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 15(1), 133-160. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v15i1.1651>
- Koseoglu, S., & Bozkurt, A. (2018). An exploratory literature review on open educational practices. *Distance Education*, 39(4), 441-461. <https://doi.org/10.1080/01587919.2018.1520042>
- McGreal, R., & Olcott, D., Jr. (2022). A strategic reset: Micro-credentials for higher education leaders. *Smart Learning Environments*, 9, Article 9. <https://doi.org/10.1186/s40561-022-00190-1>
- Quang, T. T. (2025). Kỹ năng học tập suốt đời trong bối cảnh xã hội học tập số. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.818>
- Ralston, S. J. (2021). Higher education's microcredentialing craze: A postdigital-Deweyan critique. *Postdigital Science and Education*, 3, 83-101. <https://doi.org/10.1007/s42438-020-00121-8>
- Reich, J., & Ruipérez-Valiente, J. A. (2019). The MOOC pivot. *Science*, 363(6423), 130-131. <https://doi.org/10.1126/science.aav7958>
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=203768&pageid=27160>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 1 năm 2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=205236&pageid=27160>
- Trần, Đ. H., và Nguyễn, T. P. L. (2026). Từ dữ liệu mở đến trải nghiệm học tập mở: Tái định vị giáo dục mở trong bối cảnh chuyển đổi số và hàm ý cho giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1344>

- Wheelahan, L., & Moodie, G. (2021). Analysing micro-credentials in higher education: A Bernsteinian analysis. *Journal of Curriculum Studies*, 53(2), 212-228. <https://doi.org/10.1080/00220272.2021.1887358>
- Wiley, D., & Hilton, J. L., III. (2018). Defining OER-enabled pedagogy. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(4), 133-147. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v19i4.3601>
- Zawacki-Richter, O., Bozkurt, A., Alturki, U., & Aldraiweesh, A. (2018). What research says about MOOCs: An explorative content analysis. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(1), 242-259. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v19i1.3356>

DEVELOPING A LIFELONG LEARNING ECOSYSTEM IN OPEN EDUCATION IN THE DIGITAL ERA: INTEGRATING OER, MOOCS, AND RECOGNITION OF LEARNING OUTCOMES

Vu Thi Viet Thanh¹

Abstract: *This conceptual study examines how open educational resources (OER), massive open online courses (MOOCs), and the recognition of learning outcomes can support lifelong learning pathways in a digital environment. It adopts a purposive narrative review and policy-content analysis rather than a systematic review or empirical evaluation. Selected scholarly publications and Vietnamese policy documents are synthesized across six interdependent dimensions: learners; OER and MOOCs; technology and data; participating organizations; assessment and recognition; and governance and quality assurance. The proposed framework distinguishes access, evidence, and transfer of learning outcomes, and specifies decision points for identity verification, outcome mapping, supplementary assessment, acceptance or rejection, and appeals. A hypothetical case illustrates the evaluation of a MOOC certificate for possible academic recognition, along with institutional responsibilities, costs, and feasibility indicators. Importantly, micro-credentials are distinguished from academic credits and digital badges; open access to MOOCs is not assumed to mean open licensing of learning materials. Lifelong learning can remain valuable without formal certification, whereas recognition becomes particularly relevant when learners seek academic or occupational transfer across institutions. The contribution is therefore a governance-oriented analytical framework and a proposed pathway for controlled pilots in Vietnam, not evidence of demonstrated effectiveness. Future research should validate its feasibility and outcomes in real institutional settings.*

Keywords: *micro-credentials, recognition of learning outcomes, open education, lifelong learning, MOOCs*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam